TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **_____**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **_____**

Bản án số:14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Hảo**
Ông **Nguyễn Văn Khanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 358/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 24/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐHPT ngày 10/01/2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh Đặng Hà P sinh năm: 1986 (có mặt)

**** Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thu T sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Cùng ĐKHKTT tại: Số 4, Tổ 3, phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện; các bản tự khai ngày 25/10/2021; Biên bản hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/11/2021; Biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/12/2021 nguyên đơn anh Đặng Hà P trình bày:***

- Về tình cảm: Anh kết hôn với chị T là lần thứ hai còn chị là lần thứ nhất, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có sự đồng ý của hai bên gia đình, được hai gia đình làm cơm tổ chức cưới trong nội bộ họ hàng. Đăng ký kết hôn ngày 08/01/2018 tại UBND phường Bồ Đề, sau khi kết hôn anh chị chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ anh tại số 4, tổ 3, phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội. Quá trình chung sống do chị T không chịu làm ăn, ham mê cờ bạc, cả ngày chơi các trò đỏ đen trên mạng, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã do chị T nợ nần, khi biết chuyện anh đã khuyên giải và nhiều lần trả nợ cho

chị T nhưng chỉ được một thời gian chị T lại tiếp tục đánh bạc và nợ nhiều người dẫn đến họ thường xuyên đến nhà anh chửi bới, làm náo loạn cả gia đình. Chị T nhiều lần mang hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân của mọi người trong gia đình để đi vay nợ, cầm cố nhiều nơi dẫn tới không có khả năng trả nợ nên chị T phải bỏ nhà đi trốn nợ. Gia đình anh đã phải trả nợ thay cho chị T , chỉ khi sự việc xong xuôi thì chị T mới lại quay về. Sự việc cứ lặp đi lặp lại như vậy, gia đình đã khuyên giải nhiều mà chị T không thay đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn cãi vã thường xuyên và sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Sau khi chị T chuyển ra khỏi nhà anh thì thu dọn đồ đạc về ở với bố mẹ đẻ chị tại số 15 ngõ 412 Ngọc Thụy, phường Ngọc Thụy, Long Biên ở. Tuy vợ chồng sống ly thân nhưng anh vẫn liên lạc điện thoại với chị T để trao đổi tin tức về con. Nay tình cảm của anh với chị T không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị sống ly thân đã lâu nên không thể hòa giải mâu thuẫn để đoàn tụ. Trước khi nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Long Biên để xin ly hôn anh đã nhắn tin với chị T và gọi điện nhờ bố chị T hẹn chị về nhà gặp anh nói chuyện, giải quyết về mâu thuẫn vợ chồng và giải quyết ly hôn nhưng chị T không trả lời. Tất cả những lần Tòa án báo gọi anh chị đến Tòa án giải quyết việc ly hôn anh đều nhờ ông Hùng - bố đẻ chị T báo cho chị biết, song chị vẫn không đến Tòa nhằm gây khó khăn cho anh trong việc ly hôn. Nay tình cảm của anh đối với chị T không còn, không thể hòa giải mâu thuẫn để đoàn tụ nên đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho anh được ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Nguyễn Tùng L , sinh ngày 26/03/2018. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền nuôi con cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản: Anh P khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải.

- Về tài sản chung (động sản; bất động sản) và công nợ chung: Anh P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì.

Ngoài những yêu cầu trên anh P không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

** Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:*

- Ngày 22/11/2021 Tòa án nhân dân quận Long Biên lập biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của anh Đặng Hà P và chị Nguyễn Thị Thu T tại tổ dân phố số 3 phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội thì được ông Trần Mạnh Tuấn tổ trưởng tổ dân phố xác nhận: Năm 2018 anh P và chị T kết hôn và chuyển về sinh sống tại địa chỉ nhà bố mẹ đẻ anh P , anh chị có mâu thuẫn về vấn đề gì thì tổ dân phố không nắm được vì anh chị không nhờ Tổ dân phố hòa giải. Hiện chị T đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở phường Ngọc Thụy còn anh P và cháu L vẫn ở cùng bố mẹ anh tại số 4, tổ 3, phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội. Việc anh chị

ly hôn tổ dân phố không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ngày 24/12/2021 Tòa án nhân dân quận Long Biên lập biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của anh Đặng Hà P và chị Nguyễn Thị Thu T tại tổ dân phố số 18 phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội thì được ông Trịnh Thanh Hà tổ trưởng tổ dân phố xác nhận: Chị Nguyễn Thị Thu T là con gái ông Nguyễn Phúc Hùng có địa chỉ tại tổ 18 phường Ngọc Thụy. Năm 2018 chị T kết hôn với anh Đặng Hà P ở tại số 4, tổ 3, phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội, khoảng tháng 10 năm 2019 chị T chuyển đồ đạc dọn về ở cùng bố mẹ đẻ nhưng chỉ ở một thời gian ngắn lại chuyển đi đâu thì tổ dân phố không nắm được. Quá trình chị T về ở cùng bố mẹ để không nhờ Tổ dân phố hòa giải mâu thuẫn vợ chồng.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 24/11/2021 ông Nguyễn Phúc Hùng, sinh năm 1959 bố đẻ chị T cho Tòa án biết: Anh P và chị T kết hôn năm 2018 và được gia đình hai bên tổ chức cưới theo nghi thức truyền thống. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng nhà với bố mẹ chồng tại số 4, tổ 3, phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội. Anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì bắt đầu có rạn nứt, mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, cách sống nên chị T và cháu L dọn về nhà ông ở. Ông đã khuyên giải chị T thay đổi cách sống, cố gắng thích nghi cuộc sống gia đình để vợ chồng hàn gắn, xây dựng tình cảm nhưng không được. Chị T ở với ông bà được khoảng 01 tháng thì báo với ông là đi làm ăn và chuyển ra ngoài sinh sống. Thỉnh thoảng chị vẫn về thăm ông bà và thường xuyên gọi điện thoại hỏi thăm con. Chị T ở đâu ông bà không biết và chị cũng không nói cho ông bà rõ địa chỉ. Sau khi chị T bỏ về nhà ông ở, hai gia đình đã gặp nhau hòa giải cho anh chị nhưng không thành từ đó anh chị sống ly thân. Nay anh P muốn ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống ông cũng nhất trí và ủng hộ anh vì anh chị mâu thuẫn đã lâu, không thể hòa giải để đoàn tụ.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Nguyễn Tùng L , sinh ngày 26/03/2018. Hiện cháu L đang ở với anh P từ sau khi chị T dọn ra khỏi nhà ông bà; Về tài sản và công nợ: Ông không biết và không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Đặng Hà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T và giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa.

** Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu

thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Hà P đối với chị Nguyễn Thị Thu T ; về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Nguyễn Tùng L , giao con chung là cháu Đặng Nguyễn Tùng L (nam), sinh ngày 26/03/2018 cho anh P trực tiếp chăm, sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Do anh P không yêu cầu chị T đóng góp tiền nuôi con chung nên không xem xét xét; về tài sản, nhà đất ở, công nợ chung: Anh P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí ly hôn sơ thẩm: anh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đặng Hà P có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Thu T . Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu T có hộ khẩu thường trú tại: số 4, tổ 3, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đặng Hà P có mặt, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt. Đối với chị T , Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, song chị T vẫn vắng mặt không lý do. Việc chị T không đến Tòa án để giải quyết, đã thay đổi nơi cư trú mà không báo cho anh P biết điều đó chứng tỏ chị đã cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, và hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Anh Đặng Hà P và chị Nguyễn Thị Thu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2018) tại Ủy ban nhân dân phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh P và chị T chỉ chung sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T không chịu đi làm, ham mê cờ bạc, nên dẫn tới nợ nần và nhiều lần đi trốn nợ. Tháng 10 năm 2019 anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, cả hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ai muốn làm gì thì làm. Anh P xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh kiên quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân của anh chị đã không tồn tại từ tháng 10 năm 2019 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Cả hai anh chị không còn liên hệ với nhau về mặt tình cảm, không có trao đổi về việc nuôi dạy con cái, chị T bỏ đi không ai biết địa chỉ ngay cả với bố mẹ đẻ chị cũng không cung cấp do vậy anh P cương quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa anh P và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Đặng Hà P yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh P và chị T có 01 con chung là cháu Đặng Nguyễn Tùng L , sinh ngày 26/03/2018. Ly hôn, anh P đề nghị được giao con chung là cháu Đặng Nguyễn Tùng L (nam), sinh ngày 26/03/2018 cho anh P trực tiếp chăm, sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Do anh P không yêu cầu chị T đóng góp tiền nuôi con chung nên không xem xét xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ tháng 10 năm 2019 anh P , chị T đã sống ly thân, anh P vẫn nuôi dạy con chu đáo, con chung của anh chị vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường, anh P kinh doanh tự do, có thu nhập đảm bảo để nuôi con. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung của anh chị có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của anh P , tiếp tục giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Ghi nhận tự nguyện của anh P không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh P có quyền yêu

cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị T theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 .

- Về tài sản, nhà đất ở chung: Anh P , khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau ly hôn anh P tự lo nơi ở khác cho mình.

- Về công nợ chung: Anh P khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí: Anh Đặng Hà P phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, 35, 39, 147, 192, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Đặng Hà P** được ly hôn chị **Nguyễn Thị Thu T** .

2. Về con chung: Xác nhận anh P và chị T có 01 con chung là cháu Đặng Nguyễn Tùng L , sinh ngày 26/03/2018, giao con chung là cháu Đặng Nguyễn Tùng L (nam) cho anh P trực tiếp chăm, sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị T nếu chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Anh P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về công nợ chung: Anh P khai anh chị không nợ ai và không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Anh Đặng Hà P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0064755 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Anh Đặng Hà P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Bồ Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hồng Hạnh